

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/DS-ST

Ngày: 10/6/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Lài;
- Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 619/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-DS ngày 08/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Võ Phan C, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (theo đơn khởi kiện): xóm D, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú hiện nay: tổ dân phố số A, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

1. Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1996; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

2. Anh Mai Trung T, sinh năm 1999; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

Chị L, anh T cùng địa chỉ liên lạc: số nhà D, đường số I, khu T, khu phố N,

phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, theo hợp đồng uỷ quyền đề ngày 22/6/2023 (chị L, anh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn*: chị Đặng Thị M, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ dân phố số A, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – anh Võ Phan C và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thùy L, anh Mai Trung T thống nhất trình bày:

Anh Võ Phan C và chị Đặng Thị M có mối quan hệ quen biết do trước đây hai người là đồng nghiệp và làm việc chung tại Công ty Cổ phần Đ; địa chỉ: Tầng trệt, tòa nhà G, P, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng anh C và chị M không có mối quan hệ bà con ruột thịt.

Anh C cho chị M vay tiền một lần cụ thể là vào ngày 10/7/2020 (dương lịch), chị M hỏi vay anh C số tiền 400.000.000 đồng, mục đích vay để lấy vốn kinh doanh, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 9 tháng, lãi suất thỏa thuận là 1,1%/số tiền vay/1 tháng, tính từ ngày nhận tiền vay. Thời hạn trả là không quá 5 ngày tính từ hết hạn trả (nếu không có thỏa thuận khác). Sau khi thỏa thuận hai bên thống nhất viết “Giấy vay tiền” đề ngày 10/7/2020, anh C chuyển khoản số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng vào số tài khoản 0911000072315 của chị Đặng Thị M đứng tên, mở tại Ngân hàng TMCP N vào lúc 16 giờ 11 phút ngày 10/7/2020 (có chứng từ giao dịch là “Giấy báo nợ” anh C đã photo nộp cho Tòa án). Ngoài khoản vay này chị M không còn vay anh C khoản tiền nào khác.

Toàn bộ mẫu giấy vay tiền là do anh C đánh máy sẵn, toàn bộ nội dung viết tay trong giấy vay tiền do anh C viết, anh C ký ghi họ tên vào mục bên cho vay, chị M ký ghi họ tên vào mục bên vay. Chị L, anh T khẳng định chữ ký, chữ viết ghi họ tên Đặng Thị M trong giấy vay tiền đề ngày 10/7/2020 là của chị M.

Từ khi anh C cho chị M vay tiền đến nay, anh C đã gọi điện, gửi thư yêu cầu chị M trả tiền nhiều lần nhưng chị M cắt đứt liên lạc với anh C và không trả khoản tiền gốc, lãi nào cho anh C.

Khoản tiền anh C cho chị M vay là tài sản riêng của anh C.

Chị L, anh T đại diện theo uỷ quyền của anh C xác định lại yêu cầu khởi kiện của anh C là buộc chị Đặng Thị M trả cho anh C toàn bộ số tiền vay gốc là 400.000.000

(bốn trăm triệu) đồng và lãi suất 1,1%/số tiền vay/tháng; bổ sung yêu cầu khởi kiện của anh C về thời hạn tính lãi suất là tính từ ngày vay 10/7/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Nguyễn Thị S tại bản tự khai đề ngày 02/4/2024 trình bày:

Chị S là vợ hợp pháp của anh C, Quá trình sống chung anh C và chị độc lập trong các khoản tiền. Việc anh C cho chị M vay số tiền 400.000.000 đồng trước thời điểm chị và anh C kết hôn nên đây là tài sản riêng của anh C, không liên quan đến chị. Chị thống nhất với yêu cầu khởi kiện của anh C, không có ý kiến gì bổ sung.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đặng Thị M vắng mặt nên không có lời khai, lời trình bày.

Tại phiên tòa: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt nên không có lời khai, lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Phan C đối với bị đơn chị Đặng Thị M. Buộc chị M trả cho anh C số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng và lãi suất 1,1%/số tiền vay gốc tính từ ngày 10/7/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: anh Võ Phan C1 nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Đặng Thị M, có nơi cư trú cuối cùng tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh có nghĩa vụ trả anh số tiền vay gốc là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng và lãi suất 1,1%/số tiền vay/tháng tính từ ngày vay 10/7/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm; đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: nguyên đơn vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2, căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền vay gốc vay gốc 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng và lãi suất 1,1%/số tiền vay/tháng tính từ ngày vay 10/7/2020 (dương lịch) cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm thấy rằng.

[3.1] Xét về chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và số tiền vay gốc theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Xét giấy mượn tiền đề ngày 10/7/2020 do nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung chị M có vay của anh C số tiền 400.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để kinh doanh, thời hạn vay là 09 tháng tính từ ký hợp đồng vay 10/7/2020; lãi suất 02 bên thoả thuận là 1,1%; có chị M ký tên điểm chỉ và ghi họ tên Đặng Thị M vào mục bên vay. Ngay trong ngày ký giấy nợ anh C có chuyển vào tài khoản của chị M 0911000072315 tại Ngân hàng TMCP N chi nhánh T1 số tiền 400.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án chị M vắng mặt nên không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc trả tiền gốc, lãi.

Xét thấy khoản vay của anh C cho chị M có thời hạn là 09 tháng tính từ ngày 10/7/2020 đến ngày 10/4/2021 chị M phải trả cho tiền cho anh C, tuy nhiên đến nay chị M chưa trả cho anh C được khoản tiền nào. Như vậy có căn cứ chấp nhận lời trình bày của anh C về số tiền vay gốc còn lại là 400.000.000 đồng.

[3.2] Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thấy rằng:

Trong giấy mượn tiền thể hiện mức lãi suất là 1,1%/số tiền vay gốc 400.000.000 đồng, tính từ ngày vay.

Mức lãi này là mức lãi không vượt quá mức lãi quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Như vậy lãi suất mà chị M phải trả cho anh C là:

$400.000.000 \text{ đồng} \times 1,1\% \times 47 \text{ tháng} = 206.800.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng gốc, lãi mà chị M phải trả cho anh C là 606.800.000 đồng.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác: do yêu cầu khởi kiện của anh C được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả cho anh C số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Phan C đối với chị Đặng Thị M về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Đặng Thị M có nghĩa vụ trả cho anh Võ Phan C số tiền 606.800.000 (sáu trăm lẻ sáu triệu tám trăm nghìn) đồng (trong đó tiền vay gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 206.800.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Võ Phan C không phải chịu án phí. Hoàn trả cho anh C số tiền tạm ứng án phí 12.446.000 (mười hai triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0018103 ngày 30/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Chị Đặng Thị M phải chịu 28.272.000 (hai tám triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&TĐKT tòa án tỉnh TN;
- Lưu trữ tại TANDH Châu Thành;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân